

TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP THƯ VIỆN Ở VIỆT NAM – MỘT TIẾP CẬN TỪ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN

ThS Lê Tùng Sơn

Vụ Thư viện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

• **Tóm tắt:** Nghiên cứu triết lý phát triển thư viện, là nghiên cứu cái gốc để xây dựng một sự nghiệp thư viện bền vững, tiếp cận từ quyền tiếp cận thông tin, có thể nhận diện thư viện được tồn tại với ba nhóm triết lý cơ bản đó là triết lý mục tiêu, triết lý phương tiện, và triết lý về mối quan hệ giữa phát triển thư viện với nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng. Luận bàn về ba triết lý này, có thể nhận diện ngành Thư viện Việt Nam đang nằm ở kịch bản phát triển nào, từ đó đưa ra khuyến nghị để ngành Thư viện phát triển đúng hướng.

• **Từ khóa:** Triết lý; sự nghiệp thư viện; chính sách phát triển thư viện; Việt Nam.

THE PHILOSOPHY OF LIBRARY CAREER DEVELOPMENT IN VIETNAM – AN APPROACH FROM THE RIGHT TO ACCESS INFORMATION

• **Abstract:** The author researches the foundation to build a sustainable library career. From perspectives of the right to access information, it is identical that library belongs to three basic philosophical groups, including target philosophy, media philosophy, and the one that takes into account the relationship between library development and the information access rights of users. It is possible to identify current development scenario of Vietnam's libraries, thereby making recommendations for future development.

• **Keywords:** Philosophy; library career; library development policy; Vietnam.

MỞ ĐẦU

Trong thời gian qua, trên các phương tiện thông tin đại chúng, người ta thường đề cập các vấn đề liên quan đến triết lý hoạt động của một ngành, lĩnh vực để làm rõ bản chất và đi tìm hướng đi đúng đắn cho sự phát triển, phù hợp xu thế phát triển của xã hội hiện tại và hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu về triết lý phát triển thư viện có lẽ là một vấn đề khá mới trong ngành thư viện, sẽ có nhiều người cho rằng đây là một lĩnh vực “nhỏ” nằm trong một lĩnh vực lớn đó là văn hóa, triết lý thư viện phải gắn liền với triết lý phát triển văn hóa, phải là bộ phận của triết lý phát triển văn hóa. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, thư viện cũng có những triết lý phát triển riêng của mình bởi lẽ nó không chỉ mang yếu tố về văn hóa, nó còn là sự giao thoa trong triết lý phát triển thông tin và triết lý giáo dục.

Đặt trong bối cảnh như vậy, cần có những nghiên cứu, luận bàn, để nắm rõ bản chất khoa học của thư viện, từ đó những định hướng phát triển phù hợp, không đi ngược với bản chất khoa học thực sự của thư viện.

Tiếp cận trên góc độ quyền tiếp cận thông tin để nghiên cứu về triết lý phát triển thư viện giúp ta nhận diện được vai trò, sứ mệnh của thư viện đối với việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân - một trong những quyền không chỉ mang màu sắc chính trị, mà quyền này còn có ý nghĩa thiết thực đối với cuộc sống của mỗi người đặc biệt là khi chúng ta đang sống trong kỷ nguyên thông tin và nền kinh tế tri thức.

Nghiên cứu này sẽ làm rõ hai vấn đề: triết lý phát triển thư viện nằm ở yếu tố nào? Thư viện Việt Nam đang ở đâu trong triết lý này, từ đó đưa ra một số định hướng cơ bản trong phát triển sự nghiệp thư viện ở Việt Nam.

1. MỘT VÀI KHÁI NIỆM

1.1. Triết lý là gì

Từ điển Oxford đưa ra định nghĩa từ Triết lý (Philosophy) như sau:

Triết lý là tư tưởng cốt lõi, là đạo lý căn bản, là một hệ tín niệm từ đó chi phối hành vi và hoạt động của con người [8, 9].

Trong cuốn sách Lý thuyết hệ thống, tác giả Vũ Cao Đàm đã đưa ra khái niệm về triết lý với tiếp cận từ lý thuyết hệ thống với việc xác định triết lý là tầng cao nhất của một “khung mẫu” là một tư tưởng cốt lõi của mục đích, một tín niệm hoặc một hệ tín niệm bao trùm, điều khiển chi phối mọi hành vi của hệ thống [9].

Từ đây có thể thấy, nghiên cứu về triết lý là nghiên cứu cái gốc của mọi sự vật, bàn về triết lý phát triển thư viện là bàn về cái gốc trong phát triển thư viện.

1.2. Quyền tiếp cận thông tin trên phương diện pháp lý

Nghiên cứu và tiếp cận trên phương diện pháp lý có thể nhận diện quyền tiếp cận thông tin như sau:

- Xét trên bình diện quốc tế, theo tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người được Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua tại Nghị quyết số 217 A (III) ngày 10/12/1948, nội dung quyền tiếp cận thông tin được xác định bao gồm: quyền tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin [5].

- Xét trên quy định của pháp luật Việt Nam, Điều 69 Hiến pháp năm 1992 gọi đó là “quyền được thông tin”, Hiến pháp 2013 gọi là “quyền tiếp cận thông tin” trong đó, tại Điều 25 của Hiến pháp 2013 quy định: “*công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định*” [5]; Để cụ thể hóa quyền tiếp cận thông tin của công dân được nêu tại Hiến pháp, tại kỳ họp thứ 11 ngày 06 tháng 4 năm 2016, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật tiếp cận thông tin trong đó khoản

3 Điều 2 Luật tiếp cận thông tin xác định: *tiếp cận thông tin là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chụp thông tin, đồng thời quy định việc cung cấp thông tin bao gồm việc cơ quan nhà nước công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân [2].* Từ đây có thể thấy, Luật tiếp cận thông tin năm 2016 mới chỉ điều chỉnh quan hệ pháp luật về tiếp cận thông tin và cung cấp thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra.

Tuy vậy trên thực tế trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, với nhiều nguồn tin khác nhau, từ đó đặt ra yêu cầu của Nhà nước không chỉ là việc cung cấp thông tin do cơ quan công quyền tạo ra, mà rộng hơn, đó là việc tạo ra hành lang pháp lý cho việc tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin và sử dụng thông tin của công dân một cách thuận lợi.

Theo tiếp cận của bài viết, quyền tiếp cận thông tin được hiểu là *quyền công dân được tự do tìm kiếm, tiếp nhận, phổ biến, trao đổi và sử dụng thông tin; quyền được tạo ra thông tin và quyền được sống trong một môi trường với những thông tin chính thống, chuẩn xác để phục vụ cho các nhu cầu khác nhau của mình.*

Theo cách tiếp cận này, quyền tiếp cận thông tin được hiểu theo nghĩa rộng, chủ thể tham gia trong quan hệ về tiếp cận thông tin không chỉ bao gồm giữa công dân với nhà nước, mà còn giữa công dân với các thiết chế cung cấp thông tin, giữa các công dân với nhau. Trong đó Nhà nước giữ vai trò điều tiết, tạo hành lang pháp lý để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân thông qua các chế định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

1.3. Triết lý phát triển thư viện gắn với quyền tiếp cận thông tin

a) Khái niệm thư viện

Để tìm ra triết lý phát triển thư viện, đầu tiên, cần nắm rõ bản chất khái niệm thư viện. Hiện nay trên thế giới có nhiều quan điểm, khái niệm khác nhau về thư viện.

Theo tiếp cận của bài viết, Thư viện được định nghĩa là: *Là một thiết chế văn hóa-thông tin, có bộ sưu tập tài liệu được thu thập, xử lý, tổ chức, lưu giữ, bảo quản bởi các chuyên gia thông tin thư viện theo tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện, để tạo lập cung cấp thông tin, sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện đáp ứng quyền tiếp cận thông tin và hưởng thụ các giá trị văn hóa phục vụ học tập, nghiên cứu, giải trí và các nhu cầu về thông tin khác của mỗi cá nhân, tổ chức.*

Phân tích định nghĩa này có thể nhận diện thư viện với những đặc điểm:

1. Là một thiết chế văn hóa - thông tin, nơi lưu trữ, tàng trữ tài liệu (bao gồm cả tài liệu in và tài liệu số).

2. Là nơi tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo quy trình khoa học về thư viện bao gồm: thu thập, lưu giữ, xử lý, tổ chức, bảo quản, phục vụ người sử dụng.

3. Vị trí, vai trò xã hội của thư viện: trong việc thúc đẩy học tập, nghiên cứu, thông tin và giải trí, phục vụ cộng đồng (cộng đồng ở đây có thể được hiểu là cộng đồng một địa bàn nhất định, hoặc một quốc gia tùy theo quy mô của thư viện).

Trong ba yếu tố nêu trên yếu tố số 2 là quan trọng nhất. Nó nói lên bản chất cốt lõi của thư viện và là tiêu chí để phân định giữa thư viện và phòng đọc, tủ sách, café sách hay các thiết chế có phục vụ sách, báo khác, bởi lẽ các loại hình phục vụ sách báo trên không có yếu tố số 2, hoặc nếu có cũng chỉ thực hiện một vài hoạt động (Ví dụ như, cung cấp tài liệu hoặc lưu giữ tài liệu).

Việc nắm rõ bản chất khoa học của thư viện có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định triết lý phát triển của thư viện từ nhà nước có những chính sách phù hợp thúc đẩy thư viện phát triển.

b) Thư viện với quyền tiếp cận thông tin của công dân

Thư viện là một trong những thiết chế

quan trọng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân trên nguyên tắc bình đẳng; thư viện tạo cơ hội cho người dân có thể thực hiện một cách đầy đủ nhất các quyền tiếp cận thông tin của mình bao gồm:

- Quyền tìm kiếm, tiếp nhận, phổ biến, trao đổi và sử dụng thông tin thông qua các hoạt động của thư viện;

- Quyền tạo ra thông tin thông qua các hoạt động sáng tạo của người sử dụng thông qua việc tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức;

- Quyền được sống trong một môi trường với những thông tin chính thống, chuẩn xác để phục vụ cho các nhu cầu khác nhau của mình, bởi lẽ các nguồn thông tin do thư viện cung cấp đều được chọn lựa, thu thập bảo đảm chính thống chuẩn xác để phục vụ cho người sử dụng.

2. TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN THƯ VIỆN

2.1. Quan điểm trong triết lý phát triển thư viện

Trong các diễn đàn khoa học về thư viện ở Việt Nam, chúng ta thường thấy các chuyên gia đề cập đến các vấn đề có tính triết lý trong phát triển thư viện như: “chuẩn hóa - hội nhập - phát triển; bình đẳng, thân thiện và chia sẻ; phát triển thư viện theo hướng hiện đại; đầu tư cho thư viện là đầu tư cho văn hóa, giáo dục, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước; lấy người sử dụng làm trung tâm”. Đây cũng là một trong những nguyên tắc của hoạt động thư viện được nêu tại Luật Thư viện năm 2019, được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Trên bình diện quốc tế, tuyên ngôn của UNESCO về *thư viện công cộng cũng xác định thư viện công cộng mở ra sự tiếp cận tới tri thức ở địa phương, bảo đảm khả năng cho việc học tập liên tục, tác động tích cực đến phổ cập giáo dục, văn hóa và thông tin cũng như củng cố hòa bình và cuộc sống*

ting thần trong tâm trí của đàn ông và đàn bà. Cơ quan chính quyền địa phương và trung ương cũng có tác động tích cực đến sự phát triển của thư viện công cộng [6].

Tuyên ngôn của IFLA về thư viện trường học, vai trò của thư viện trường học trong giảng dạy và học tập cũng xác định tất cả thành viên của trường học đều phải sử dụng dịch vụ của thư viện trường học một cách công bằng, không phân biệt lứa tuổi, chủng tộc, tôn giáo,...[4].

Giáo sư Michael Brie¹ trong một buổi thuyết trình của mình về chủ nghĩa xã hội trong thế giới hiện đại đã khẳng định rằng, thư viện là một trong những yếu tố đảm bảo công bằng và những lợi ích của toàn thể công dân trong xã hội trong việc tiếp cận thông tin, học tập và giải trí. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Chủ nghĩa xã hội trong thế giới hiện đại.

Những quan điểm này làm nên những nội dung cơ bản và quan trọng của triết lý phát triển thư viện. Tiếp cận nghiên cứu trên quyền tiếp cận thông tin của công dân, tác giả xin đưa ra tổng hợp về triết lý phát triển thư viện dựa trên các quan điểm khác nhau được đề cập, từ đó phân thành các 03 nhóm triết lý như sau:

Triết lý 1: Triết lý về mục tiêu phát triển: trả lời cho câu hỏi sẽ phát triển thư viện trở thành hình mẫu như thế nào để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và xu thế phát triển của thế giới đương đại và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho công dân.

Triết lý 2: Triết lý về phương tiện phát triển: trả lời cho câu hỏi sẽ phát triển thư viện bằng cách nào để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và xu thế phát triển của thế giới đương đại đương đại và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho công dân.

Triết lý 3: Triết lý về mối quan hệ giữa phát triển thư viện với nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng, trả lời cho

câu hỏi vị trí của thư viện ở đâu trong phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng?

Mỗi triết lý này được phân thành các kịch bản khác nhau, tương ứng với sự phát triển từ thấp đến cao trong sự nghiệp thư viện của một quốc gia. Dưới đây, tác giả xin đưa ra các kịch bản tương ứng với từng triết lý, từ đó luận bàn Thư viện Việt Nam đang ở kịch bản nào, và làm gì để thúc đẩy sự phát triển của sự nghiệp thư viện.

2.2. Kịch bản của từng triết lý

a) Triết lý 1: Triết lý về mục tiêu phát triển thư viện

Cho đến nay, có nhiều quan điểm khác nhau về mục tiêu phát triển thư viện, có thể điểm qua một số kịch bản như sau:

- *Kịch bản 1:* Thư viện là nơi lưu giữ tài liệu và phục vụ các đối tượng người sử dụng.

Đây là giai đoạn “sơ khai” trong phát triển thư viện với hai điều kiện cơ bản đó là có tài liệu và có tổ chức phục vụ các đối tượng người sử dụng thông qua các hình thức chủ yếu là mượn và trả tài liệu. Hoạt động chuyên môn nghiệp vụ thư viện quan trọng nhất trong giai đoạn này là bổ sung tài liệu mới, bởi lẽ đây là lý do thu hút người sử dụng đến thư viện.

Với kịch bản này, ranh giới giữa thư viện và các thiết chế có phục vụ sách, báo khác như: phòng đọc sách, tủ sách là hết sức mong manh, khi không có tiêu chí nào có thể phân định rõ ràng.

- *Kịch bản 2:* Thư viện là nơi lưu giữ tài liệu; tài liệu được xử lý theo trình tự, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và phục vụ các đối tượng người sử dụng.

Thư viện có một bước phát triển so với kịch bản 1 trong việc tổ chức tài liệu phục vụ người sử dụng, bước đầu hình thành một dây chuyền công nghệ chuyên môn nghiệp vụ thư viện với các chuẩn nghiệp vụ trong xử lý, tổ chức tài liệu, đảm bảo khoa học phục vụ người sử dụng. Lúc này, thư viện được xem như một lâu đài tri thức đồ sộ,

¹ Chuyên gia Viện phân tích thẩm định các vấn đề xã hội thuộc Viện Rosa Luxemburg, Cộng Hòa Liên bang Đức.

có vốn tài liệu được tổ chức khoa học theo chuẩn nghiệp vụ để liên kết, chia sẻ.

Thư viện và các thiết chế có phục vụ sách, báo khác đã có sự phân định rõ ràng thông qua các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện.

- *Kịch bản 3*: Thư viện là nơi cung cấp sản phẩm, dịch vụ thư viện nhằm hỗ trợ học tập, nâng cao trình độ; phục vụ nhu cầu giải trí của người sử dụng.

Thư viện vượt lên không chỉ là nơi lưu giữ, tổ chức tài liệu và phục vụ người sử dụng, mà còn là nơi cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện, hỗ trợ việc học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu giải trí của người dân thông qua các sản phẩm và dịch vụ của thư viện.

Thư viện vẫn là một lâu đài tri thức, tuy nhiên kịch bản 3 hơn kịch bản 2 ở chỗ thư viện đã bắt đầu có những sản phẩm và dịch vụ thư viện phục vụ người sử dụng (thay vì chỉ có tài liệu).

- *Kịch bản 4*: Thư viện là nơi sinh hoạt cộng đồng; tiếp cận thông tin, hưởng thụ các giá trị văn hóa; hỗ trợ việc học tập suốt đời của người sử dụng.

Thư viện không còn là “lâu đài tri thức” mà trở thành một “đồng cỏ xanh” rộng mở với tất cả các đối tượng, đảm bảo quyền hưởng thụ thông tin và tri thức bình đẳng giữa các tầng lớp người dân trong xã hội. Thư viện không chỉ là nơi đọc sách mà còn là nơi tổ chức các hoạt động xoay quanh việc đọc sách, các hoạt động sáng tạo của con người thúc đẩy giáo dục, khoa học và công nghệ phát triển và là trung tâm sinh hoạt văn hóa, gắn kết cộng đồng thông qua việc đọc sách, và các hoạt động có liên quan đến đọc sách.

Ngoài ra thư viện còn là nơi cung cấp thông tin về việc làm, các chính sách của nhà nước, cũng như rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng làm việc... cho các đối tượng, hoạt động này nhằm gắn kết cộng đồng. Thư viện là trung tâm tri thức của một địa phương, một vùng hay của một quốc gia.

Đây là xu thế phát triển của hầu hết các thư viện trên thế giới.

b) Triết lý 2: Triết lý về phương tiện phát triển thư viện

Từng mục tiêu trong phát triển thư viện sẽ tương ứng với phương tiện để đạt được mục tiêu đó, tác giả xin đưa ra những kịch bản trong triết lý phương tiện phát triển thư viện như sau:

- *Kịch bản 1*: Tăng cường bổ sung, xây dựng vốn tài liệu là một trong những hoạt động chủ chốt để phát triển thư viện. Vốn tài liệu phong phú trở thành một trong những thước đo có sức nặng trong hiệu quả hoạt động thư viện. Cũng chính vì thế, trong một thời gian dài, ở Việt Nam, Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa trong lĩnh vực thư viện chủ yếu tập trung cho việc xây dựng vốn tài liệu thư viện cũng như một cách thức để tạo ra sức hút cho hoạt động thư viện.

Thư viện thực hiện việc thu hút người sử dụng bằng sự hấp dẫn của vốn tài liệu.

- *Kịch bản 2*: Chuẩn hóa nghiệp vụ thư viện để hội nhập và phát triển là một trong những tôn chỉ cao nhất trong kịch bản này. Thư viện chuẩn hóa, hoàn thiện quy trình công nghệ của mình bằng việc chuẩn hóa các hoạt động xử lý và tổ chức tài liệu, chú trọng các khâu về: biên mục tài liệu, phân loại, định chủ đề, định từ khóa,... việc đào tạo nhân lực ngành thư viện cũng chiếm một thời gian lớn chương trình học để đào tạo nguồn nhân lực thông tin - thư viện thực hiện các công việc này. “Chính xác - nhanh chóng - thuận tiện cho việc tra cứu” nhằm đáp ứng việc chuẩn hóa trở thành một trong những tiêu chí quan trọng trong đánh giá hiệu quả hoạt động thư viện.

Không xác định được thư viện dùng phương tiện gì để thu hút người sử dụng, có chăng vẫn dùng lại ở vốn tài liệu như kịch bản 1.

- *Kịch bản 3*: Lấy người sử dụng làm trung tâm, tôn chỉ, mục đích trong kịch bản này. Người sử dụng được đào tạo kiến thức thông tin, được phục vụ tài liệu và các sản phẩm thông tin - thư viện. Họ trở thành chủ thể

chính trong hoạt động thư viện, mọi hoạt động thư viện đều hướng tới người sử dụng. Đây là bước chuyển quan trọng so với kịch bản 2, đó là: thư viện chuyển từ hoạt động xử lý sang hoạt động phục vụ. Tiêu chí về lượt người sử dụng thư viện, lượt sách, báo phục vụ trở thành tiêu chí chính để đánh giá hiệu quả hoạt động thư viện.

Ngoài vốn tài liệu, thư viện sử dụng sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện để thu hút người sử dụng đến thông tin-thư viện. Người sử dụng trở thành “khách hàng” của thư viện, sức hút của thư viện nằm ở chất lượng sản phẩm và dịch vụ của thư viện.

- *Kịch bản 4:* Thư viện là trung tâm thông tin, văn hóa và học tập cộng đồng có sự liên thông, liên kết với nhau và gắn kết các cộng đồng dân cư, tạo sự tiếp cận bình đẳng cho người sử dụng là tôn chỉ cao nhất trong hoạt động thư viện.

Ngoài cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thư viện, thư viện còn tổ chức các sự kiện văn hóa, các hoạt động thúc đẩy sự sáng tạo của người sử dụng. Thư viện không đơn thuần chỉ là nơi cung cấp sách, và các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến sách, thư viện trở thành cầu nối, liên kết giữa các nhóm người, các cộng đồng với nhau tạo ra tác động tích cực đến văn hóa, con người. Lúc này tiêu chí để đánh giá thư viện nằm ở việc tác động của thư viện đến đời sống văn hóa, vật chất, tinh thần của người dân trong cộng đồng dân cư.

Sức hút của thư viện nằm ở khả năng liên kết cộng đồng không chỉ là cầu nối giữa tác giả, tác phẩm với công chúng mà còn là cầu nối của các nhóm người trong cộng đồng xã hội, đồng thời là nơi cung cấp thông tin, học tập, sinh hoạt và sáng tạo, phát triển các kỹ năng của con người. Đây là xu thế chung của thư viện trên thế giới.

c) Triết lý 3: Triết lý về mối quan hệ giữa thư viện với nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng (hay nói cách khác là vị trí của thư viện trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân)

Nhu cầu và phương thức tiếp cận thông

tin của cộng đồng là một trong những yếu tố quan trọng đến sự tồn tại của thư viện, bởi lẽ thư viện sinh ra có sứ mệnh để phục vụ nhu cầu thông tin, học tập, giải trí của người sử dụng. Bàn về mối quan hệ này có thể đưa ra các kịch bản như sau:

- *Kịch bản 1:* là giai đoạn thư viện đi sau nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng; giai đoạn này gắn với sự bùng nổ thông tin với khối lượng thông tin khổng lồ cần phải xử lý cũng như sự phát triển của khoa học và công nghệ khiến người sử dụng có nhiều cách thức tiếp cận thông tin hơn là đến thư viện. Thư viện phải cạnh tranh với nhiều loại hình có phục vụ nhu cầu thông tin khác nhau để có chỗ đứng đối với cộng đồng.

- *Kịch bản 2:* là giai đoạn thư viện đi song hành với nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng; giai đoạn này gắn với việc thư viện chuyển đổi mô hình hoạt động, dùng sức mạnh của khoa học và công nghệ để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh với các loại hình có phục vụ nhu cầu thông tin khác để có chỗ đứng đối với cộng đồng. Đây là giai đoạn mà thư viện tạo ra thói quen, cũng như các kỹ năng thông tin cho người sử dụng nhằm kích thích nhu cầu và năng lực, phương thức tiếp cận thông tin tại thư viện.

- *Kịch bản 3:* là giai đoạn thư viện vượt lên nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng, cung cấp thông tin dưới mọi dạng thức đồng thời giữ vai trò là trung tâm định hướng thông tin cho cộng đồng, trở thành nhu cầu thiết yếu trong mọi hoạt động văn hóa, giáo dục của cộng đồng, thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, đặc biệt thư viện giữ vai trò định hướng nhu cầu, hướng dẫn cách thức tiếp cận, kỹ năng thông tin của cộng đồng, thúc đẩy sự sáng tạo. Thư viện trở thành cầu nối giữa tác giả, tác phẩm đối với công chúng.

Tổng hợp các kịch bản của 3 triết lý phát triển thư viện do tác giả đề cập, được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. Tổng hợp triết lý phát triển thư viện

| Triết lý 1 Mục tiêu phát triển | Triết lý 2 Phương tiện phát triển | Triết lý 3 Mối quan hệ giữa thư viện với nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng |
|--|---|---|
| Kịch bản 1 Thư viện là nơi lưu giữ tài liệu và phục vụ các đối tượng người sử dụng. | Kịch bản 1 Quy mô vốn tài liệu là tiêu chí chủ yếu để đánh giá thư viện. Thư viện thu hút người đọc bằng vốn tài liệu. | Kịch bản 1 Thư viện đi sau nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng. |
| Kịch bản 2 Thư viện là nơi lưu giữ tài liệu; tài liệu được xử lý theo trình tự, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và phục vụ các đối tượng người sử dụng. | Kịch bản 2 chuẩn hóa nghiệp vụ thư viện để hội nhập và phát triển. Chưa xác định thư viện thu hút người sử dụng bằng gì. | Kịch bản 2 Thư viện đi song hành với nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng. |
| Kịch bản 3 Thư viện không những là nơi lưu giữ và phục vụ tài liệu mà còn là nơi cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện phục vụ người sử dụng. | Kịch bản 3 Thư viện lấy người sử dụng là trung tâm Thư viện thu hút người sử dụng bằng sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện. | Kịch bản 3 Thư viện vượt lên nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng định hướng thông tin và là yếu tố gắn kết cộng đồng. |
| Kịch bản 4 Thư viện có sự liên thông, liên kết; là nơi sinh hoạt cộng đồng; tiếp cận thông tin, hưởng thụ các giá trị văn hóa; hỗ trợ việc học tập suốt đời của người sử dụng. | Kịch bản 4 Thư viện là trung tâm thông tin, văn hóa và học tập cộng đồng. Thư viện thu hút người sử dụng bằng sự liên kết, chia sẻ giữa các nhóm cộng đồng xã hội. | |

3. THƯ VIỆN VIỆT NAM ĐANG ĐỨNG Ở Đâu TRONG TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN?

3.1. Triết lý 1 - Mục tiêu phát triển thư viện

Đa phần các thư viện ở Việt Nam bao gồm: các thư viện cấp huyện, thư viện cấp xã, thư viện trường học, thư viện cộng đồng vẫn đang dừng ở kịch bản 1.

Các thư viện công cộng cấp tỉnh, thư viện trường đại học, thư viện viện nghiên cứu đang trong giai đoạn dịch chuyển từ kịch bản 2 sang kịch bản 3, tuy nhiên quá trình này diễn ra còn rất chậm bởi nhiều nguyên nhân trong đó phải kể đến như trình độ năng lực của người làm công tác thư viện, sự đầu tư của nhà nước, và đặc biệt là nhu cầu thông tin của người dân.

3.2. Triết lý 2 - Phương tiện phát triển thư viện

Đa phần các thư viện Việt Nam bao gồm các thư viện cấp huyện, thư viện cấp xã, thư viện trường học cả thư viện cộng đồng vẫn đang dùng ở kịch bản 1: các loại hình thư viện này vẫn đang tìm phương tiện để thực hiện mục tiêu của mình đó là xây dựng vốn tài liệu.

Các thư viện công cộng cấp tỉnh, thư viện trường đại học, thư viện viện nghiên cứu đang dùng ở kịch bản 2: đó là chuẩn hóa nghiệp vụ thư viện. Các thư viện vẫn chưa có sự thống nhất trong việc lựa chọn các chuẩn nghiệp vụ trong xử lý tài liệu để phù hợp với xu thế phát triển của thế giới; thư viện dành nhiều thời gian, kinh phí đầu tư trong việc chuẩn hóa nghiệp vụ xử lý tài liệu mà chưa chú trọng đến việc phát triển các dịch vụ thư viện, biểu hiện rõ nét nhất đó là trong phân công vị trí việc làm của thư viện, những người có trình độ chuyên môn giỏi thường được sắp xếp trong bộ phận xử lý tài liệu, người có trình độ chuyên môn bình thường hoặc không có chuyên môn thì đưa vào bộ phận phục vụ (đây là một nghịch lý với thư viện thế giới).

3.3. Triết lý 3 - Mối quan hệ giữa thư viện với nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng

Thư viện Việt Nam vẫn dùng ở kịch bản 1 và đi sau nhu cầu sử dụng và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng rất dài. Điều này được biểu hiện bởi 2 khía cạnh:

Thứ nhất, thư viện chỉ cung cấp những gì mà thư viện có chứ chưa cung cấp những thứ mà xã hội cần từ vốn tài liệu đến các sản phẩm dịch vụ thông tin - thư viện.

Thứ hai, phương thức tiếp cận thông tin của người dân thay đổi từng ngày từng giờ, nhưng hầu hết các thư viện Việt Nam vẫn “kiên định” trong cung cách phục vụ truyền thống đó là phục vụ tại thư viện hoặc phục vụ lưu động, người dùng có nhu cầu đọc tài liệu nào thì phục vụ tài liệu đó. Thư viện vẫn chưa phải là nơi định hướng thông tin cho

người dân, mà chỉ là nơi để người dân đến “mượn sách” để đọc.

4. THƯ VIỆN VIỆT NAM HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN THEO TRIẾT LÝ NÀO?

Xuất phát từ bản chất khoa học của thư viện cũng như xu thế phát triển của thư viện hiện đại xin đưa ra triết lý phát triển thư viện được tiếp cận từ quyền tiếp cận thông tin của công dân dựa trên ba trụ cột chính: triết lý về mục tiêu phát triển, triết lý về phương tiện để phát triển và triết lý trong mối quan hệ giữa phát triển thư viện với nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng như sau:

- Triết lý mục tiêu theo kịch bản 4: Thư viện có sự liên thông, liên kết là nơi sinh hoạt cộng đồng; tiếp cận thông tin, hưởng thụ các giá trị văn hóa; hỗ trợ việc học tập suốt đời của người sử dụng

- Triết lý phương tiện theo kịch bản 4: Thư viện là trung tâm thông tin, trung tâm văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng. Thư viện thu hút người sử dụng bằng sự liên kết, chia sẻ giữa các nhóm cộng đồng xã hội.

- Triết lý về mối quan hệ giữa phát triển thư viện với nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin của cộng đồng theo kịch bản 3: thư viện thực sự có vai trò đối với xã hội, thư viện phải vượt lên nhu cầu tiếp cận thông tin của cộng đồng, định hướng, hướng dẫn, đảm bảo việc tiếp cận thông tin của cộng đồng, và trở thành một trong những phương thức quan trọng để người dân có thể tiếp cận thông tin và học tập.

Có thể tóm lược triết lý phát triển của thư viện Việt Nam cần hướng tới như sau:

Thư viện trở thành trung tâm thông tin, trung tâm văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng mang lại sự tự do, bình đẳng trong tiếp cận thông tin, học tập suốt đời và hưởng thụ các giá trị văn hóa của người dân, là cầu nối gắn kết cộng đồng, tạo ra nhu cầu, định hướng sử dụng thông tin và hỗ trợ việc sáng tạo thúc đẩy văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội.

Đâu là vấn đề cốt lõi để thực hiện triết lý phát triển thư viện?

Nhà nước cần xây dựng khung chính sách dựa trên tiếp cận phát triển thư viện để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, tri thức, tạo môi trường học tập suốt đời của người dân và coi đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong định hướng phát triển. Thư viện Việt Nam cần có một công cuộc tái cấu trúc một cách toàn diện, trong đó có hai chính sách lớn cần làm ngay đó là: kiện toàn hệ thống thư viện và đổi mới hoạt động của thư viện.

- Kiện toàn hệ thống thư viện với các phương tiện thực hiện chủ yếu là: thiết kế mạng lưới thư viện, xác định nội dung cần đầu tư trọng điểm cần được chú trọng: đó là xây dựng thư viện số quốc gia; đồng thời xác định hướng phát triển từng loại thư viện trên dựa trên những định hướng đã đề xuất.

- Đổi mới hoạt động thư viện với các phương tiện chủ yếu là: đổi mới nội dung hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện tự chủ trong hoạt động thư viện và đổi mới đánh giá, xếp hạng thư viện.

Các chính sách này cần đặt trong môi trường với ba yếu tố tác động, đó là: sự phát triển của khoa học và công nghệ, thói quen sử dụng thông tin và các chiến lược kích thích nhu cầu của người sử dụng và xây dựng thị trường sử dụng thông tin ở Việt Nam.

KẾT LUẬN

Để xây dựng luận cứ khoa học để xác định hướng tiếp cận trong xây dựng chính sách phát triển sự nghiệp thư viện ở Việt Nam đã thôi thúc tác giả thực hiện nghiên cứu này. Đây mới chỉ là những nghiên cứu bước đầu với những nhận định theo phương pháp thực chứng (xuất phát từ việc chứng kiến sự phát triển của thư viện Việt Nam trong thời gian qua, sự phát triển của thư viện thế giới) để phân tích, luận bàn về các triết lý phát triển thư viện từ đó tìm ra xu hướng chung cho sự phát triển.

Các kịch bản của mỗi triết lý là mỗi nấc thang trong phát triển thư viện từ thấp đến cao, thể hiện sự trưởng thành của lĩnh vực thư viện của một quốc gia và là xu thế phát triển tất yếu của thư viện thế giới. Phân tích nội dung của từng kịch bản, giúp ta nhận diện thư viện Việt Nam đang ở vị trí nào và cần có những chính sách gì để thúc đẩy, tạo động lực cho sự phát triển.

Mỗi con người đều có một triết lý sống, mỗi tổ chức đều theo đuổi một triết lý để phát triển, và sự nghiệp thư viện ở Việt Nam cần lựa chọn một triết lý phù hợp để không bao giờ lạc nhịp với xu thế phát triển của thư viện thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.
3. Luật Thư viện công cộng của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa năm 2016, đường dẫn http://www.npc.gov.cn/zgrdw/npc/xinwen/201811/05/content_2065662.htm, truy cập ngày 29/3/2020, Lê Tùng Sơn dịch.
4. Tuyên ngôn của UNESCO về Thư viện công cộng năm 1994.
5. Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người được Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua tại Nghị quyết số 217 A (III) ngày 10/12/1948.
6. Tuyên ngôn của IFLA về Thư viện trường học.
7. Từ điển Oxford, đường dẫn: <https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/philosophy?q=philosophy>, truy cập ngày 29/3/2020.
8. Vũ Cao Đàm (2014). Nghịch lý và lối thoát, NXB Thế giới, trang 27.
9. Vũ Cao Đàm (2015). Lý thuyết hệ thống, Viện Chính sách và Quản lý, tr. 36.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-4-2020; Ngày phản biện đánh giá: 12-5-2020; Ngày chấp nhận đăng: 15-7-2020).